

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 13 - 3 - 2023

V/v tranh chấp "Chia tài sản chung,
hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng
đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Bùi Thị Thanh Bạch
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 và ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2023/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Chia tài sản chung, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 418/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1051/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phùng Thị Kim X**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: **Ấp C, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

Đại diện ủy quyền: **Trần Quang V**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: **A T, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

2. Bị đơn: **Đỗ Văn T**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: **Ấp C, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Đỗ Thị Mỹ P**, sinh năm 1995.

- **Đỗ Hoàng S**, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: **Ấp C, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

Đại diện ủy quyền của chị P: **Trần Quang V**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: **A T, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

- Thành viên hộ ông **Đỗ Văn N** gồm:

+ **Đỗ Thị Mỹ D**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: **Ấp G, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D: Luật sư **Trần Ngọc Q** - Văn phòng luật sư **Trần Ngọc Q** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh T.**

Địa chỉ: **A T, khu phố B, phường E, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.**

+ **Đỗ Văn T**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: **Ấp C, xã G, huyện G, Tiền Giang.**

+ **Đỗ Văn L**, sinh năm 1974; **Phạm Thị Bích V1**, sinh năm 1978; **Đỗ Thị Mỹ H**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: **Ấp I, xã T, huyện G, Tiền Giang.**

+ *Đồng thừa kế thứ nhất của ông **Đỗ Văn N**, sinh năm 1931 (chết năm 2009) và bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1933 (chết năm 2019) gồm:*

++ **Đỗ Thị Mỹ D**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: **Ấp G, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

++ **Đỗ Thị B**, sinh năm 1958; **Đỗ Thị L1**, sinh năm 1961; **Đỗ Văn L2**, sinh năm 1963; **Đỗ Văn I**, sinh năm 1969; **Đỗ Thị Mỹ H1**, sinh năm 1972; **Đỗ Văn L**, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: **Ấp I, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

++ **Đỗ Văn T**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: **Ấp C, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

++ **Đỗ Thị Kim T1**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: **Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

- Thành viên hộ ông **Nguyễn Minh C** gồm:

+ Đồng thừa kế thứ nhất của bà **Tô Thị D1** gồm: **Nguyễn Thị Ngọc S1**, sinh năm 1947; **Nguyễn Thị Ngọc H2**, sinh năm 1950; **Nguyễn Thị Ngọc H3**, sinh năm 1952; **Nguyễn Hữu P1**, sinh năm 1959 và **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1962.

+ **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1962; **Phan Thị Thu B1**, sinh năm 1963; **Nguyễn Ngọc T2**, sinh năm 1995; **Nguyễn Thị Ngọc S1**, sinh năm 1947;

Cùng địa chỉ: **Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

- *Đồng thừa kế thứ nhất của ông **Đoàn Văn H4** và bà **Đỗ Thị Đ** gồm: **Đoàn Văn G (H5)**, sinh năm 1955; **Đoàn Thị T3**, sinh năm 1943; **Đoàn Thị M**, sinh năm 1945; **Đoàn Văn N2**, sinh năm 1947 và **Đoàn Văn G1**, sinh năm 1952.*

Cùng địa chỉ: **Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

- Thành viên hộ bà **Nguyễn Thị X1** gồm: **Nguyễn Thị X1**, sinh năm 1946; **Nguyễn Thị Bạch T4**, sinh năm 1971; **Nguyễn Thị Bạch V2**, sinh năm 1972; **Nguyễn Tấn P2**, sinh năm 1974; **Nguyễn Thị Tuyết N3**, sinh năm 1976; **Nguyễn**

Thị Thu T5, sinh năm 1979; Nguyễn Tấn C1, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Kiều Mai L3, sinh năm 1987; Lại Thị Thanh L4, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Phùng Thị Kim X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Hoàng S, Đỗ Thị Mỹ P, Đỗ Thị Mỹ D.

(Có mặt anh V, anh S, chị D, Luật sư Q;
Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Phùng Thị Kim X và đại diện ủy quyền của bà X là anh Trần Quang V trình bày:

Bà và ông T kết hôn năm 1994 và ly hôn năm 2017 nhưng chưa yêu cầu phân chia tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 139 tọa lạc ấp I, xã T, huyện G do ông T đại diện hộ đứng tên cùng phần nhà đất tọa lạc ấp C, xã G, huyện G. Do không thỏa thuận được với ông T về việc phân chia khối tài sản chung này nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2021, nguyên đơn bà X yêu cầu chia tài sản chung đối với quyền sử dụng thửa đất số 139, tờ bản đồ số 80, diện tích 888,6 m² tọa lạc ấp I, xã T, huyện G, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02320 do UBND huyện G cấp ngày 24/7/2014 cho hộ ông Đỗ Văn T. Bà X yêu cầu được nhận 1/2 quyền sử dụng thửa đất số 139, đối với 1/2 diện tích đất còn lại thì bà giao cho ông T và các con được toàn quyền sử dụng.

- Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/9/2021, bà X yêu cầu chia cho bà 1 khối tài sản chung gồm:

1. Quyền sử dụng đất có diện tích 300m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, (diện tích 1.759,2 m²) tọa lạc tại ấp C, xã G, huyện G, Tiền Giang (hiện ông Nguyễn Minh C đại diện hộ đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00820 do UBND huyện G cấp ngày 10/7/2014).

2. Ngôi nhà cấp 4 cất trên thửa đất số 4.

Bà yêu cầu được nhận nhà đất và hoàn lại ông T 1/4 giá trị.

- Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/10/2022, nguyên đơn bà X yêu cầu các đồng thừa kế của bà Đỗ Thị Đ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có diện tích 254,6 m² thuộc thửa số 138, tờ bản đồ GTC2, tọa lạc ấp C, xã G mà trước đây (chỉ nhớ trước năm 2000) bà Đ đã chuyển nhượng cho bà và ông T với giá 03 chỉ vàng 24Kr đến nay chưa làm thủ tục chuyển quyền; hiện UBND huyện G đã cấp nhằm phần đất này cho hộ ông Nguyễn Minh C thuộc thửa 138 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01272/A3 ngày 09/3/2009; đồng thời bà yêu cầu chia cho bà 1/2 diện tích đất, không phải 1/4 diện tích đất như đã ghi trong đơn kiện bổ sung ngày 10/9/2021. Bà yêu cầu được nhận hết diện tích đất là 254,6 m² để bà và các con sinh sống, bà đồng ý hoàn lại ông T 1/2 giá trị đất.

- Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà **X** là anh **V** trình bày: Bà **X** yêu cầu công nhận sự thỏa thuận ngày 11/7/2023 giữa các thành viên hộ gia đình bà với nội dung: Giao cho anh **S** được quyền quản lý, sử dụng trọn thửa đất số 139 và anh **S** sẽ hoàn lại ông **T** số tiền 500.000.000 đồng, trong hạn 03 năm, tính kể từ ngày 11/7/2023; bà rút lại đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại do đã thỏa thuận được với hộ ông **Nguyễn Minh C**. Bà **X** thống nhất với kết quả đo đạc thực tế; xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 139 và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng mà bà đã thanh toán xong. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày:

Theo đơn phản tố đề ngày 20/10/2021: Ông xác định quyền sử dụng thửa đất số 139 nêu trên do ba mẹ ông tặng cho riêng ông và phần đất có nhà với diện tích khoảng 300m² nêu trên là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia. Ông chỉ yêu cầu chia đôi đối với tài sản chung của ông và bà **X** là căn nhà cấp 4 kiên cố cất trên thửa đất số 4 tọa lạc **ấp C, xã G** cùng toàn bộ tài sản trong nhà gồm: 01 máy lạnh, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 01 tủ thờ, 01 tủ áo (gỗ), 01 tivi, 01 âmly và loa.

Tuy nhiên, tại văn bản thỏa thuận ngày 11/7/2023 và bản tự khai cùng ngày thì ông đồng ý để anh **S** được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa 139 nêu trên và có nghĩa vụ hoàn lại ông số tiền 500.000.000 đồng, trong hạn 03 năm, tính kể từ ngày 11/7/2023. Đối với quyền sử dụng phần đất có diện tích 254,6m² thuộc thửa đất 138, tờ bản đồ GTC2 do nhận chuyển nhượng từ bà **Đỗ Thị Đ** cùng căn nhà cấp 4, diện tích 129,1m² cất trên thửa đất số 138 thì ông đồng ý giao cho bà **X** sở hữu, anh **S** đã giao lại ông số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 11/7/2023. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Mỹ P và đại diện ủy quyền của chị P là anh Trần Quang V trình bày:

Chị là con của ông **T** và bà **X**. Chị thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà **X**. Chị không đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **D**.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 16 tháng 3 năm 2021, chị **P** yêu cầu được chia 1/4 quyền sử dụng thửa đất số 139 nêu trên.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 06 tháng 4 năm 2022, chị **P** yêu cầu được chia 1/4 giá trị ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 120m² cất trên thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, (diện tích 1.759,2 m²) do ông **Đoàn Văn G** đứng tên quyền sử dụng tọa lạc tại **ấp C, xã G, huyện G, Tiền Giang**. Ngôi nhà trị giá khoảng 200.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của chị **P** là anh **V** trình bày: Chị **P** rút lại yêu cầu độc lập về việc chia 1/4 giá trị ngôi nhà cấp 4 nêu trên và thống nhất với ý kiến của bà **X**; chị không đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **D**; chị yêu cầu công nhận sự thỏa thuận ngày 11/7/2023 giữa các thành viên hộ gia đình chị đối với quyền sử dụng thửa đất số 139 nêu trên có nội dung: Giao cho anh **S** được quyền quản lý, sử dụng trọn thửa đất số 139 và anh **S** sẽ hoàn lại ông **T** số tiền 500.000.000 đồng, trong hạn 03 năm, tính kể từ ngày

11/7/2023. Chị **P** thống nhất với kết quả đo đạc thực tế; xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 139. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hoàng S trình bày:

Anh là con trai của ông **T** và bà **X**. Anh thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà **X**. Anh không đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **D**.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 16 tháng 3 năm 2021, anh **S** yêu cầu được chia 1/4 quyền sử dụng thửa đất số 139 nêu trên.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 06 tháng 4 năm 2022, anh **S** yêu cầu được chia 1/4 giá trị ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 120m² cất trên thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, (diện tích 1.759,2 m²) do ông **Đoàn Văn G** đứng tên quyền sử dụng tọa lạc tại **ấp C, xã G, huyện G, Tiền Giang**. Ngôi nhà trị giá khoảng 200.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa, anh **S** rút lại yêu cầu độc lập về việc chia 1/4 giá trị ngôi nhà cấp 4 nêu trên và thống nhất với ý kiến của bà **X**; anh không đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **D**; anh yêu cầu công nhận sự thỏa thuận ngày 11/7/2023 giữa các thành viên hộ gia đình anh có nội dung: Giao cho anh được quyền quản lý, sử dụng trọn thửa đất số 139 nêu trên và anh sẽ hoàn lại ba anh số tiền 500.000.000 đồng, trong hạn 03 năm, tính kể từ ngày 11/7/2023. Anh thống nhất với kết quả đo đạc thực tế; xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 139. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Mỹ D trình bày:

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 23 tháng 5 năm 2022, bà **D** yêu cầu xác định quyền sử dụng thửa đất số 139 là thuộc quyền sử dụng của hộ ông **Đỗ Văn N**, gồm các thành viên sau: ông **Đỗ Văn N**, bà **Nguyễn Thị N1**, ông **Đỗ Văn T**, bà **Đỗ Thị Mỹ D**, ông **Đỗ Văn L**, bà **Phạm Thị Bích V1** và chị **Đỗ Thị Mỹ H**.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 22 tháng 9 năm 2022, bà **D** yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02320 do **UBND huyện G** cấp ngày 24/7/2014 cho hộ ông **Đỗ Văn T** đối với thửa đất số 139.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 22 tháng 9 năm 2022, bà **D** yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/5/2008 giữa bên tặng cho là hộ ông **Đỗ Văn N** và bên nhận tặng cho là hộ ông **Đỗ Văn T** đối với thửa đất số 738, tờ bản đồ TPC, diện tích 786 m² tọa lạc tại **ấp I, xã T, huyện G, Tiền Giang**. Đồng thời, bà **D** yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04228 do **UBND huyện G** cấp ngày 26/5/2008 cho hộ ông **T** đối với thửa đất số 738 nêu trên.

- Tại phiên tòa, bà **D** trình bày: Bà rút lại yêu cầu độc lập về việc công nhận quyền sử dụng thửa đất số 139 nêu trên là thuộc quyền sử dụng của hộ ông **Đỗ Văn N**. Bà vẫn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/5/2008 giữa bên tặng cho là hộ ông **Đỗ Văn N** và bên nhận tặng cho là hộ ông **Đỗ Văn T** đối với thửa đất số 738 và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **UBND huyện G** cấp cho hộ ông **T** đối với thửa đất số 738 và thửa 139 nêu trên. Bà không đồng ý với nội dung thỏa thuận ngày 11/7/2023 của hộ ông **T**. Vì thửa đất số 738 trước đây là của hộ ông **N** được **UBND huyện** cấp giấy vào năm 1997 và thời điểm

đó bà vẫn là thành viên trong hộ ông N nhưng đến năm 2008 khi làm thủ tục tặng cho hộ ông T thì bà không biết và không có ký tên trong hợp đồng tặng cho. Nguồn gốc thửa đất này là do ba mẹ bà mua, từ nhỏ bà đã thấy cha mẹ bà canh tác thửa đất này. Sau này khi bà lớn, bà cùng các anh chị em canh tác đến năm 1990 thì bà lấy chồng và chuyển về sinh sống tại xã K cũng gần với phần đất này. Đến năm 1999, bà tách hộ chuyển khẩu về K nhưng vẫn thường xuyên về thăm cha mẹ bà. Sau khi ông T lập gia đình, bà có thấy gia đình ông T canh tác thửa đất này nhưng bà không biết việc cha mẹ bà đã tặng cho ông T mà chỉ nghĩ cha mẹ bà cho ông T canh tác để nuôi con. Đến khoảng năm 2008, khi cha của bà bị bệnh nặng, bà có thấy 04 anh em trai của bà gồm: ông Đỗ Văn L2, ông Đỗ Văn I, ông Đỗ Văn T và ông Đỗ Văn L đến văn phòng C2 làm thủ tục chuyển quyền hết các thửa đất do cha của bà là ông N đứng tên nên sau khi cha bà chết vào năm 2009 thì không còn để lại di sản gì. Tuy nhiên, khi đó bà không biết bà có phần quyền sử dụng đối với thửa đất số 139 nêu trên nên không ngăn cản. Sau này, khi bà X khởi kiện yêu cầu chia quyền sử dụng thửa đất số 139 thì bà mới biết khi còn sống cha của bà đã ký hợp đồng tặng cho phần đất này sang ông T mà không được sự đồng ý của bà nên bà khởi kiện độc lập như nêu trên. Nay bà thống nhất với kết quả đo đạc thực tế, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 139 và yêu cầu giải quyết chi phí tố tụng mà bà đã thanh toán theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Đỗ Văn L, bà Phạm Thị Bích VI và chị Đỗ Thị Mỹ H thống nhất trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Mỹ D.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn lại không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 418/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 135, Điều 216 và khoản 1 Điều 223 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 1 Điều 102, Điều 131, Điều 212, khoản 1 Điều 219, Điều 220, Điều 221, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 157, 165, 217, 244, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Kim X về việc:

- Chia cho bà I khối tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 300m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, (diện tích 1.759,2 m²) tọa lạc tại ấp C, xã G, huyện G, Tiền Giang (hiện ông

Nguyễn Minh C đại diện hộ đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00820 do **UBND huyện G** cấp ngày 10/7/2014).

+ Ngôi nhà cấp 4 cất trên thửa đất số 4 nêu trên.

- Yêu cầu các đồng thừa kế của bà **Đỗ Thị Đ** tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có diện tích 254,6 m² thuộc thửa số 138, tờ bản đồ GTC2, tọa lạc **ấp C, xã G** mà trước đây (chỉ nhớ trước năm 2000) bà **Đ** đã chuyển nhượng cho bà và ông **T** với giá 03 chỉ vàng 24Kr đến nay chưa làm thủ tục chuyển quyền; hiện **UBND huyện G** đã cấp nhầm phần đất này cho hộ ông **Nguyễn Minh C** thuộc thửa 138 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01272/A3 ngày 09/3/2009; đồng thời bà yêu cầu được chia 1/2 diện tích đất và yêu cầu được nhận hết diện tích đất là 254,6 m², bà đồng ý hoàn lại ông **T** 1/2 giá trị đất.

2. Đình chỉ phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Đỗ Thị Mỹ P** và anh **Đỗ Hoàng S** về việc yêu cầu được chia 1/4 giá trị ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 120m² cất trên thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, (diện tích 1.759,2 m²) do ông **Đoàn Văn G** đứng tên quyền sử dụng tọa lạc tại **ấp C, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang**.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Thị Mỹ D** về việc yêu cầu công nhận thửa đất số 139 thuộc quyền sử dụng của hộ ông **Đỗ Văn N**.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phùng Thị Kim X** và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Đỗ Thị Mỹ P** và anh **Đỗ Hoàng S** về việc chia tài sản chung đối với quyền sử dụng thửa đất số 139. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Thị Mỹ D**. Tuyên hủy một phần nội dung hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/5/2008 giữa bên tặng cho là hộ ông **Đỗ Văn N** và bên nhận tặng cho là hộ ông **Đỗ Văn T** đối với diện tích 144,32m² thuộc thửa đất số 738.

- Giao cho anh **Đỗ Hoàng S** được quyền sử dụng thửa đất số 139, tờ bản đồ số 80, diện tích 888,6 m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 865,9m²), loại đất lúa, tọa lạc tại **ấp I, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang** hiện do ông **Đỗ Văn T** đại diện hộ đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02320 do **UBND huyện G** cấp ngày 24/7/2014. Thửa đất có vị trí:

+ Đông giáp **đường Á Xóm M** (nhựa);

+ Tây giáp đất ông **Đỗ Văn L2**;

+ Nam giáp đất bà **Nguyễn Thị L5**;

+ Bắc giáp đất ông **Nguyễn Văn Đ1**.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Anh **Đỗ Hoàng S** có nghĩa vụ hoàn lại ông **Đỗ Văn T** số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), trong hạn 03 năm, tính kể từ ngày 11/7/2023. Các bên đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục đăng ký

biến động cấp quyền sử dụng thửa đất số 139 nêu trên cho anh **Đỗ Hoàng S** theo quy định luật đất đai hiện hành.

- Buộc hộ ông **Đỗ Văn T** gồm: ông **Đỗ Văn T**, bà **Phùng Thị Kim X**, chị **Đỗ Thị Mỹ P** và anh **Đỗ Hoàng S** cùng có nghĩa vụ hoàn lại bà **Đỗ Thị Mỹ D** giá trị quyền sử dụng phần đất có diện tích là 144,32m² thuộc thửa số 139 là 360.800.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phùng Thị Kim X** và không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Đỗ Thị Mỹ P** và anh **Đỗ Hoàng S** về việc chia tài sản chung đối với quyền sử dụng phần đất có diện tích 144,32m² thuộc thửa số 139.

6. Không chấp nhận phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Thị Mỹ D** về việc:

- Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được **UBND xã T** chứng thực ngày 05/5/2008 giữa bên tặng cho là hộ ông **Đỗ Văn N** và bên nhận tặng cho là hộ ông **Đỗ Văn T** đối với diện tích 641,68 m² thuộc thửa đất số 738, tờ bản đồ TPC, tọa lạc tại **ấp I, xã T, huyện G, Tiền Giang**.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04228 do **UBND huyện G** cấp ngày 26/5/2008 cho hộ ông **T** đối với thửa đất số 738.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02320 do **UBND huyện G** cấp ngày 24/7/2014 cho hộ ông **Đỗ Văn T** đối với thửa đất số 139.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 25 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn bà **Phùng Thị Kim X** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Đỗ Hoàng S**, **Đỗ Thị Mỹ P** có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Ngày 03 tháng 10 năm 2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Đỗ Thị Mỹ D** có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà **Phùng Thị Kim X** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh **Đỗ Hoàng S** và chị **Đỗ Thị Mỹ P** giữ nguyên yêu cầu công nhận sự thỏa thuận ngày 11/7/2023 giữa các thành viên hộ gia đình bà với nội dung: Giao cho anh **S** được quyền quản lý, sử dụng trọn thửa đất số 738 (nay là thửa 139) và anh **S** sẽ hoàn lại ông **Đỗ Văn T** số tiền 500.000.000 đồng trong hạn 03 năm tính kể từ ngày 11/7/2023. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà **Đỗ Thị Mỹ D** giữ nguyên yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/5/2008 giữa hộ ông **Đỗ Văn N** và hộ ông **Đỗ Văn T** đối với thửa đất số 738 (nay là thửa 139) và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **Ủy ban nhân dân huyện G** cấp cho hộ ông **T** đối với thửa đất số 139 nêu trên.

- Người kháng cáo **Phùng Thị Kim X, Đỗ Hoàng S, Đỗ Thị Mỹ P** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc các ông bà hoàn trả cho bà **D** 360.800.000 đồng; bà **Đỗ Thị Mỹ D** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của mình gồm hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông **Đỗ Văn N** với hộ **Đỗ Văn T** ngày 05/5/2008 đối với thửa 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m²; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02320 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ **Đỗ Văn T** ngày 24/7/2014 đối với thửa 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m²; Công nhận thửa 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m² là của hộ ông **Đỗ Văn N** gồm 07 thành viên **Đỗ Văn N, Nguyễn Thị N1, Đỗ Thị Mỹ D, Đỗ Văn T, Đỗ Văn L, Phan Thị Bích V3** và **Đỗ Thị Mỹ H**.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà **Đỗ Thị Mỹ D** trình bày: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00119 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/6/1997 thì thửa đất 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m² được cấp cho hộ ông **Đỗ Văn N**. Theo xác nhận của cơ quan chức năng thì tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông **N** có 07 thành viên gồm **Đỗ Văn N, Nguyễn Thị N1, Đỗ Thị Mỹ D, Đỗ Văn T, Đỗ Văn L, Phan Thị Bích V3** và **Đỗ Thị Mỹ H**. Tuy nhiên tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 738 (nay là thửa 139) được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 05/5/2008 chỉ có các thành viên **Đỗ Văn N, Nguyễn Thị N1, Đỗ Văn T, Đỗ Văn L, Phan Thị Bích V3** ký nhận tặng cho hộ **Đỗ Văn T** thửa 738 (nay là thửa 139) mà không có ý kiến đồng ý của bà **D** và cháu **H** là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà **D**, cháu **H** nên hợp đồng này phải bị vô hiệu theo quy định pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà **D**.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà **Đỗ Thị Mỹ D** là phù hợp pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm các bên kháng cáo nhưng không có cung cấp tài liệu chứng cứ mới nào để xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 418/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà **Phùng Thị Kim X** khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn; Bà **Đỗ Thị Mỹ D** có yêu cầu độc lập yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/5/2008 giữa hộ ông **Đỗ Văn N** và hộ ông **Đỗ Văn T** đối với thửa đất số 738 (nay là thửa 139) và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện **G** cấp cho hộ ông **T** đối với thửa đất số 738 (nay là thửa 139) nêu trên nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là có căn cứ đúng qui định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà **Phùng Thị Kim X** với bị đơn ông **Đỗ Văn T** là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà **Phùng Thị Kim X**, **Đỗ Hoàng S**, **Đỗ Thị Mỹ P** và **Đỗ Thị Mỹ D** là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà **Phùng Thị Kim X**, **Đỗ Hoàng S**, **Đỗ Thị Mỹ P** và **Đỗ Thị Mỹ D**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm: Bà **X**, anh **S**, chị **P** kháng cáo không đồng ý hoàn lại giá trị tiền phần diện tích 144,32m² thuộc thửa đất số 738 (nay là thửa 139) cho bà **D**; Bà **D** kháng cáo yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông **Đỗ Văn N** với hộ **Đỗ Văn T** ngày 05/5/2008 đối với thửa đất số 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m²; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02320 do Ủy ban nhân dân huyện **G** cấp cho hộ **Đỗ Văn T** ngày 24/7/2014 đối với thửa đất số 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m²; Công nhận thửa đất số 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m² là của hộ ông **Đỗ Văn N** gồm 07 thành viên **Đỗ Văn N**, **Nguyễn Thị N1**, **Đỗ Thị Mỹ D**, **Đỗ Văn T**, **Đỗ Văn L**, **Phan Thị Bích V3** và **Đỗ Thị Mỹ H**. Như vậy các bên chỉ kháng cáo tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m² (Phía bà **X**, anh **S**, chị **P** cho rằng hợp đồng tặng cho trên là hợp pháp nên không đồng trả lại cho bà **D** diện tích 144,32 m² (bằng tiền). Phía bà **D** cho rằng hợp đồng tặng cho trên là vô hiệu cần hủy bỏ nên kéo theo phải hủy giấy đất đã cấp cho hộ ông **T** và công nhận thửa đất số 738 (nay là thửa 139) là của hộ ông **N**, nên cấp phúc thẩm chỉ xem xét nội dung này.

[5.2] Xác định quyền sử dụng đất thửa 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m² đang tranh chấp giữa gia đình bà **X**, anh **S**, chị **P** với bà **D** là của ai:

- Theo đơn yêu cầu độc lập, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà **D** đều xác nhận: Thửa đất số 738 nay là thửa 139 diện tích 888,6 m² tọa lạc **ấp I**, xã **T**, huyện **G**, tỉnh **Tiền Giang** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02320 do Ủy ban nhân dân huyện **G** cấp ngày 24/7/2014 cho hộ ông **Đỗ Văn T**

có nguồn gốc là của ba mẹ của bà là ông N và bà N1 nhận chuyển nhượng của người khác từ năm 1975 lúc này bà được 05 tuổi.

- Tại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/12/1996 người đứng tên xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện là cá nhân ông Đỗ Văn N mà không phải là hộ ông N (bút lục 167).

- Thời điểm ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ngày 27/6/1997, thời điểm này Luật đất đai năm 1993 điều chỉnh. Theo luật này thì chủ thể sử dụng đất là hộ gia đình lần đầu tiên được đưa vào luật. Tuy nhiên trong luật chưa qui định rõ thế nào là hộ gia đình. Do đó phải đối chiếu Bộ luật Dân sự năm 1995 để xác định. Theo quy định tại Điều 118 về tài sản chung của hộ thì “*Tài sản chung của hộ gia đình gồm tài sản do các thành viên cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ*”. Như vậy, theo quy định trên và đối chiếu nội dung tranh chấp trong vụ kiện này, Hội đồng xét xử nhận thấy các thành viên trong hộ ông N không hề có tiền cùng ông N đi mua đất; không có việc các thành viên trong hộ ông N được tặng cho chung quyền sử dụng đất, cũng không có thỏa thuận nào trong hộ ông N đưa thửa đất 738 (nay là thửa 139) vào tài sản chung của hộ; quyền sử dụng đất này cũng không phải có được do được nhà nước giao hoặc cấp cho hộ. Do đó thửa đất này không phải là tài sản chung của hộ ông N.

* Từ các chi tiết trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định thửa đất số 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m² đang tranh chấp giữa gia đình bà X, anh S, chị P với bà D là tài sản chung của vợ chồng ông N, bà N1 mới chính xác. Việc Ủy ban nhân dân huyện G cấp thửa đất này cho hộ ông N là không phù hợp pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Đây là tài sản chung của ông N, bà N1 nên việc định đoạt thửa đất này chỉ cần ông N và bà N1 đồng ý là đủ. Do đó hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông N, bà N1 với hộ ông T đối với thửa đất số 738 (nay là thửa 139) diện tích 888,6 m² là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[5.3] Xét ý kiến bà D cho rằng có công sức đóng góp vào việc mua đất là không có cơ sở. Bởi lẽ khi ông N, bà N1 mua đất này thì bà D còn rất nhỏ chỉ mới 05 tuổi nên bà không có quyền gì đối với tài sản là thửa đất này. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà D hủy một phần hợp đồng tặng cho nói trên là chưa phù hợp chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được chính bà D thừa nhận. Do đó kháng cáo của bà D yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho nói trên là không có cơ sở nên bác, kéo theo các yêu cầu kháng cáo khác của bà D cũng là không có căn cứ nên bác. Kháng cáo của bà X, chị P, anh S là có căn cứ nên chấp nhận.

- Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D là chưa phù hợp pháp luật tại thời điểm như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên nên không chấp nhận.

- Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là chưa phù hợp nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà X, anh S, chị P không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Đỗ Thị Mỹ D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà **Phùng Thị Kim X**, anh **Đỗ Hoàng S**, chị **Đỗ Thị Mỹ P**; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Đỗ Thị Mỹ D**; Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 418/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phùng Thị Kim X** về việc:

[2.1] Chia cho bà 1/4 khối tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 300m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, (diện tích 1.759,2 m²) tọa lạc tại **ấp C, xã G, huyện G, Tiền Giang** (hiện ông **Nguyễn Minh C** đại diện hộ đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00820 do **UBND huyện G** cấp ngày 10/7/2014).

+ Ngôi nhà cấp 4 cất trên thửa đất số 4 nêu trên.

[2.2] Yêu cầu các đồng thừa kế của bà **Đỗ Thị Đ** tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có diện tích 254,6 m² thuộc thửa số 138, tờ bản đồ GTC2, tọa lạc **ấp C, xã G** mà trước đây (chỉ nhớ trước năm 2000) bà **Đ** đã chuyển nhượng cho bà và ông **T** với giá 03 chỉ vàng 24Kr đến nay chưa làm thủ tục chuyển quyền; hiện **Ủy ban nhân dân huyện G** đã cấp nhầm phần đất này cho hộ ông **Nguyễn Minh C** thuộc thửa đất số 138 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01272/A3 ngày 09/3/2009; đồng thời bà yêu cầu được chia 1/2 diện tích đất và yêu cầu được nhận hết diện tích đất là 254,6 m², bà đồng ý hoàn lại ông **T** 1/2 giá trị đất.

3. Đình chỉ phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Đỗ Thị Mỹ P** và anh **Đỗ Hoàng S** về việc yêu cầu được chia 1/4 giá trị ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 120m² cất trên thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, (diện tích 1.759,2 m²) do ông **Đoàn Văn G** đứng tên quyền sử dụng tọa lạc tại **ấp C, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang**.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Thị Mỹ D** về việc yêu cầu công nhận thửa đất số 139 thuộc quyền sử dụng của hộ ông **Đỗ Văn N**.

5. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phùng Thị Kim X** và toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Đỗ Thị Mỹ P** và anh **Đỗ Hoàng S** về việc yêu cầu tòa án công nhận sự thỏa thuận ngày

11/7/2023 giữa các thành viên hộ gia đình đối với thửa đất số 139 tờ bản đồ số 80, diện tích 888,6 m².

[5.1] Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các ông bà **Đỗ Hữu T6**, **Phùng Thị Kim X**, **Đỗ Hoàng S**, **Đỗ Thị Mỹ P** như sau: Giao cho anh **Đỗ Hoàng S** được quyền sử dụng thửa đất số 139, tờ bản đồ số 80, diện tích 888,6 m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 865,9m²), loại đất lúa, tọa lạc tại **ấp I, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang** hiện do ông **Đỗ Văn T** đại diện hộ đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02320 do **UBND huyện G** cấp ngày 24/7/2014. Thửa đất có vị trí: Đông giáp đường **Á Xóm M** (nhựa); Tây giáp đất ông **Đỗ Văn L2**; Nam giáp đất bà **Nguyễn Thị L5**; Bắc giáp đất ông **Nguyễn Văn Đ1**.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo).

[5.2] Anh **Đỗ Hoàng S** có nghĩa vụ hoàn lại ông **Đỗ Văn T** số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), trong hạn 03 năm, tính kể từ ngày 11/7/2023. Các bên đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục đăng ký biến động cấp quyền sử dụng thửa đất số 139 nêu trên cho anh **Đỗ Hoàng S** theo quy định luật đất đai hiện hành.

- Kể từ ngày ông **S** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Thị Mỹ D** về việc yêu cầu tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/5/2008 giữa hộ ông **Đỗ Văn N** và hộ ông **Đỗ Văn T** đối với thửa đất 139 tờ bản đồ số 80, diện tích 888,6 m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04228 do **UBND huyện G** cấp ngày 26/5/2008 cho hộ ông **T** đối với thửa đất số 738 và Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02320 do **UBND huyện G** cấp ngày 24/7/2014 cho hộ ông **Đỗ Văn T** đối với thửa đất số 139.

7. Về án phí:

- Bà **Phùng Thị Kim X**, anh **Đỗ Hoàng S** và chị **Đỗ Thị Mỹ P** không phải chịu án phí phúc thẩm. **H6** lại bà **X**, anh **S** và chị **P** mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 0029007, 0029005, 0029006 cùng ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bà **Đỗ Thị Mỹ D** phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0029010 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bà **D** đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- **H6** lại bà **X** 1.055.000 đồng theo biên lai số 0018486 ngày 24/02/2021; 1.381.250 đồng theo biên lai số 0007255 ngày 12/10/2021 và 375.000 đồng theo biên lai số 0028075 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G; hoàn lại chị **P** 527.500 đồng theo biên lai số 0018625 ngày 09/4/2021 và 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0007731 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Bị đơn ông **T** phải nộp án phí (đối với phần tài sản được chia) là 24.000.000 đồng.

- Anh **S** phải nộp án phí (đối với phần tài sản được chia) là 61.942.500 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh **S** đã nộp là 527.500 đồng theo biên lai số 0018624 ngày 09/4/2021 và 1.250.000 đồng theo biên lai số 0007730 ngày 07/4/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên anh **S** còn phải nộp thêm số tiền là 60.165.000 đồng.

- Bà **D** phải chịu 600.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo các biên lai số 0007873 ngày 23/5/2022 và 0028120 ngày 10/10/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bà **D** đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*(Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 13/3/2023; Có mặt anh **V**, bà **D**, Luật sư **Q**).*

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân